

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
---	--

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12/11/2019

V/v “*Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn;

2. Bà Lê Thị Ngọc Lâm.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/3/2019 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/9/2019 nhưng phiên tòa tạm ngừng theo Quyết định số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019. Ngày 12 tháng 11 năm 2019, phiên tòa được mở lại theo Thông báo mở phiên tòa số 74/TB-TA ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Đỗ Thị Nguyệt Đ**, sinh năm 1978, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh QN.

- Bị đơn: **Anh Nguyễn S**, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Năng Đông, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QN.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ông Nguyễn L**, sinh năm 1945, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Năng Đông, xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh QN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung đề ngày 28/02/2019 và ngày 14/3/2019; bản tự khai ngày 15/7/2019, biên bản hòa giải ngày 27/6/2019, ngày 18/7/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đỗ Thị Nguyệt Đ trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn S tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh QN. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị và anh S đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không còn quan hệ tình cảm gì với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn S.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017. Khi ly hôn, chị Đ yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05/4/2019, ngày 17/8/2019, tại phiên hòa giải ngày 27/6/2019, ngày 18/7/2019; tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn S trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đỗ Thị Nguyệt Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh QN. Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân nhau từ tháng 01 năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai, không liên lạc hay quan hệ tình cảm gì với nhau đúng như chị Đ trình bày. Nay chị Đ xin ly hôn, anh đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017. Chị Đ yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) anh không đồng ý mà chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) đến khi con đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2019, biên bản làm việc ngày 29/10/2019 và tại phiên tòa ngày 18/10/2019, ông Nguyễn L trình bày:

Về số tiền cấp dưỡng nuôi con của anh S với vợ trước, mỗi tháng 2.000.000đ, tổng cộng 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) ông đã cho anh S mượn và yêu cầu anh Sơn nếu ly hôn với chị Đ phải trả lại cho ông và ông cũng đòi lại tài sản đi cưới vợ cho anh S với chị Đ gồm 16 chỉ vàng loại vàng 9999. Tòa án đã hướng dẫn, giải thích cho ông thực hiện quyền khởi kiện đối với yêu cầu độc lập

của ông nhưng ông L không thực hiện. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S về việc giao cháu Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017 (hiện đang ở với chị Đ) cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị buộc anh Sơn mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đ, anh S phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Sơn chị Đ tranh luận về mức cấp dưỡng nuôi con. Anh S tranh luận với mức thu nhập hiện tại, anh còn phải cấp dưỡng nuôi con chung với người vợ trước theo quyết định của Tòa án mỗi tháng 2.000.000đ nên anh chỉ đồng ý với mức cấp dưỡng 1.000.000đ mỗi tháng cho con chung Nguyễn Hoàng Anh Cát. Chị Đ tranh luận là với mức nuôi dưỡng con hiện nay của chị phải chi trả trên 5.000.000đ mỗi tháng nhưng chị chỉ còn yêu cầu 2.000.000đ mỗi tháng là anh Sơn chỉ hỗ trợ một phần để nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện TN, tỉnh QN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa ngày 18/10/2019, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn L đều có mặt. Sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án mở lại phiên tòa vào ngày 12/11/2019 và đã tổng đạt hợp lệ Thông báo mở phiên tòa số: 74/TB-TA ngày 01/11/2019 cho các đương sự nhưng tại phiên tòa ông L vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn L.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nghĩa Chánh, thành phố Quảng Ngãi ngày 14 tháng 02 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu về việc ly hôn của chị Đỗ Thị Nguyệt Đ: Tại phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S đã thuận tình ly hôn. Tại phiên tòa, chị Đ và anh S tiếp tục thống nhất thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa chị Đ và anh S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S.

[2.2] Về việc trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S có con chung Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017, hiện đang do chị Đ nuôi dưỡng. Trước khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S thống nhất giao con chung Nguyễn Hoàng Anh Cát cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Nhận thấy việc thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Đ và anh S về việc giao cháu Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017 (hiện đang sinh sống cùng chị Đ) cho chị Đỗ Thị Nguyệt Đ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ và anh S không thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con, chị Đường yêu cầu anh S cấp dưỡng 2.000.000 đồng mỗi tháng, anh S chỉ đồng ý cấp dưỡng 1.000.000 đồng. Nhận thấy: Theo tài liệu Tòa án thu thập được thể hiện anh S đang có công việc ổn định với mức thu nhập cố định hàng tháng là 6.347.400 đồng (bút lục số 82). Theo Quyết định công

nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 78 /2016/QĐST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa (bút lục số 83) và hiện tại thì anh S đang phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án hôn nhân và gia đình là mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 08/8/2016 đến khi người được cấp dưỡng đủ 18 tuổi. Căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng (cháu Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017), căn cứ vào qui định tại khoản 1 Điều 116 [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](#), Hội đồng xét xử buộc anh S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng 1500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp với điều kiện chung. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi con chung Nguyễn Hoàng Anh Cát đủ 18 tuổi.

Đối với yêu cầu của chị Đ về mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng một tháng là có phần không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chỉ được chấp nhận một phần đối với yêu cầu này. Theo qui định tại Khoản 2 Điều 116 [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](#), khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng trên có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do chị Đ và anh S thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn chị Đ khai không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bị đơn anh S khai có tài sản chung nhưng tự anh giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[2.5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Hội đồng xét xử không nhận định.

[3] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn L và anh Nguyễn S kê khai việc nợ về khoản cho mượn tiền để thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung (với vợ trước giữa của anh S). Ông L cũng khai có cho vợ chồng ông S một số vàng đi đám cưới. Trong quá trình làm việc với L, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nợ giữa ông với anh S và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc ông đòi lại tài sản đã cho vợ chồng anh S, chị Đ nên Hội đồng xét xử không nhận định.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Vụ án được xét xử theo thủ tục chung, căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đỗ Thị Nguyệt Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; anh Nguyễn S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên ghi nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Đ và anh S về việc trực tiếp nuôi con chung: Anh Nguyễn S giao cháu Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017 (hiện đang ở với chị Đ) cho chị Đỗ Thị Nguyệt Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn S có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh Sơn thực hiện quyền này. Trường hợp anh S lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Đường có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của anh Sơn.

Vì lợi ích của con chung, chị Đ và anh S hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Anh Nguyễn S phải cấp dưỡng con chung Nguyễn Hoàng Anh Cát, sinh ngày 08/9/2017 mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Cát đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11 năm 2019.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi như sau:

+ Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm.

+ Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng trên có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do chị Đ và anh S thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Nguyệt Đ phải chịu án phí về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/ 0004129 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa.

Anh Nguyễn S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con chung 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về kháng cáo: Chị Đỗ Thị Nguyệt Đ và anh Nguyễn S có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Luận có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày ông nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QN;
- TÒA**
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND phường Nghĩa Chánh, Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Trương Thanh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Bón

Lê Thị Ngọc Lâm

Trương Thanh Hòa

